TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hường;

2. Bà Phan Thị Yến.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hữu Trường T, sinh năm 1983; địa chỉ: số 10, ấp Hòa P 3, thị trấn An C, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: số 640/32, khóm Bình K 2, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hữu Trường T trình bày, qua tìm hiểu, ông T và bà Huỳnh Thị Bích Ng kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An

Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178, ngày 28/11/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian khoảng 01 năm chung sống, đến khoảng tháng 6, 7/2019 thì vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cách chi tiêu tiền của vợ chồng. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2019 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Ng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn số 1600/TLKH-BS, ngày 28/11/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp đối với Lê Hữu Trường T và Huỳnh Thị Bích Ng (bản sao).

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Bích Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Ng; về con chung, tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Hữu Trường T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích Ng. Đồng thời, bà Ng cư trú trên địa bàn thành phố Long Xuyên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông T, bà Ng đều vắng mặt. Trong đó, ông T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà Huỳnh Thị Bích Ng đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Ng theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông T và bà Ng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Ng là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, sau 01 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cách chi tiêu tiền của vợ chồng không phù hợp và ông T, bà Ng không còn sống chung từ tháng 7/2019 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T và bà Ng thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ tháng 7/2019 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà Ng nhưng bà Ng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà Ng là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Ng không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu Trường T.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Hữu Trường T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 178, ngày 28/11/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp đối với ông Lê Hữu Trường T và bà Huỳnh Thị Bích Ng không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê Hữu Trường T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001177 do Chi cục T hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 13 tháng 4 năm 2022; ông Lê Hữu Trường T đã nộp đủ án phí.

Bà Huỳnh Thị Bích Ng không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Lê Hữu Trường T, bà Huỳnh Thị Bích Ng có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Long Xuyên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên (1);
- UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hiệp Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Hường **Phan Thị Yến** **Lại Hiệp Phong**